TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1003/2023/HC-PT
Ngày: 27-11-2023
V/v "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Ông Lê Văn An

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Hà Văn Hừng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 512/2023/TLPT-HC ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*" do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2023/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2708/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Ông Trần Văn Q, sinh năm 1959; (vắng mặt)

1.2 Bà Vũ Thanh H, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, Khu phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Bạch V là Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L

Địa chỉ: Số D đường T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H2, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt)

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà

Địa chỉ: Đường T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H3, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Minh A, chức vụ: Phó chủ tịch; (xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Lâm Hà

Địa chỉ: Tổ dân phố Trưng Vương, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Phú T, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn H4, chức vụ: Phó chủ tịch; (xin xét xử vắng mặt)

3.2 Ông Nguyễn Đức V1, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn Q, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời trình bày của các bên đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Người khởi kiện ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 231, 232, tờ bản đồ số 56 đo đạc năm 2005, thị trấn N, huyện L là của Công ty thương nghiệp vùng kinh tế mới Hà Nội từ năm 1989, trên đất có 01 căn nhà gỗ và bán thanh lý cho ông Vũ Hoa K, ông K bán cho ông Đ. Sau đó, năm 1992 ông Đ bán cho bà H có hồ sơ mua bán gốc của công ty T1. Quá trình sử dụng đất có đóng thuế cho Nhà nước.

Năm 2012, xảy ra tranh chấp với ông Nguyễn Đức V1. Ông V1 làm nhà trên đất của ông Q, bà H. Đến năm 2018, UBND huyện L đã cưỡng chế tháo dỡ nhà của ông V1.

Tuy nhiên, sau khi cưỡng chế đối với ông V1 thì UBND huyện L không giao đất cho ông Q, bà H mà giao cho UBND thị trấn N quản lý.

Ông Q, bà H không đồng ý với việc này nên đã khiếu nại. Ngày 20-4-2021, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1661/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông bà. Ông Q, bà H tiếp tục khiếu nại thì ngày 04-11-2021, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 2696/QĐ-UBND giải quyết giữ nguyên Quyết định số 1661/QĐ-UBND. Cho rằng các Quyết định trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà nên ông bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết hủy:

+ Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Q (lần đầu);

+ Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 04-11-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của ông bà Trần Văn Q - Vũ Thanh H (lần 2).

* Theo văn bản của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L trình bày:

1. Tóm tắt nội dung sự việc:

a. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Diện tích 1.224,3m2 đất, thuộc thửa số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N hiện ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H đang khiếu nại có nguồn gốc là đất của Công ty T1 được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo trình bày của ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H cho rằng diện tích 1.224,3m2 đất thuộc thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, có nguồn gốc năm 1989, Công ty T1 bán thanh lý nhà cho ông Vũ Hoa K, đến năm 1992 ông Vũ Hoa K bán lại tài sản cho ông Nguyễn Văn Đ1, sau đó ông Nguyễn Văn Đ1 sang nhượng lại cho gia đình ông Q bà H không có giấy tờ chứng minh có việc sang nhượng tài sản giữa ông Vũ Hoa K và ông Nguyễn Văn Đ1 và việc sang nhượng giữa ông Nguyễn Văn Đ1 với gia đình ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H. Sau khi nhận chuyển nhượng tài sản trên đất từ ông Nguyễn Văn Đ1 (gồm: nhà gỗ 3 gian, lợp tôn, nền xi măng; 02 bể xi măng, 01 giếng nước), ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H sử dụng bãi đất trống để làm bãi đổ củi, trồng chuối, cà phê, ca ry, nhưng không có quản lý, sử dụng ổn định, liên tục. Từ năm 2012 đến nay, ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H không quản lý, sử dụng, kê khai đăng ký diện tích đất nêu trên.

b. Việc giải quyết tranh chấp đất đai và kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng:

Năm 2012, ông Nguyễn Đức V1 và ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H xảy ra tranh chấp đất đai tại thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N. Ngày 20-8-2013, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà ban hành Thông báo số 21/2013/TB-TA trả lại đơn khởi kiện với lý do các tài sản đề nghị trả lại hiện nay không còn đầy đủ; ông V1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không cung cấp được các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5, Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Ngày 16-9-2013, ông Ngô Khắc L (người được ông Nguyễn Đức V1 ủy quyền) có đơn gửi UBND huyện L đề nghị buộc bà Vũ Thanh H trả lại các thửa đất thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N cho ông Nguyễn Đức V1. Ngày 05-11-2013, UBND huyện L ban hành Quyết định số 2878/QĐ-UBND về việc giải quyết không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông Ngô Khắc L (theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức V1); đồng thời giao Phòng T2 phối hợp với UBND thị trấn N lập kế hoạch quản lý và rà soát lại đất của Công ty T1 trước đây để tham mưu UBND huyện L có hướng xử lý theo quy định. Tháng 6-2014, ông Nguyễn Đức V1 tiến hành xây dựng nhà trái phép trên thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N. UBND thị trấn N tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Đức V1 và đến này 22-9-2018, UBND huyện L ban hành Quyết định số 3269/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Đức V1 với hành vi lấn chiếm đất công tại thửa đất số 231 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N. Sau khi thực hiện việc cưỡng chế toàn bộ công trình và cây trồng do ông Nguyễn Đức V1 tạo lập trái phép trên thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N. Ngày 21-11-2018, Ban cưỡng chế huyện L

đã lập biên bản bàn giao tài sản và diện tích đất thuộc thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N cho UBND thị trấn N quản lý.

c. Về quy hoạch sử dụng đất: Theo bản đồ quy hoạch chung thị trấn N, huyện L được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 28-12-2006 thì vị trí thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N được quy hoạch đất du lịch. Theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện L được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 thì vị trí thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N được quy hoạch là đất chuyên dùng (khu du lịch thác voi).

2. Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19-6-2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22-11-2019; Luật Khiếu nại ngày 11-11- 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19-10-2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Luật Đất đai số 45/2014/QH13 ngày 29-11-2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai.

3. Kiến nghị giải quyết:

Việc ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H khiếu nại UBND huyện L cưỡng chế, giải tỏa việc lấn chiếm đất của ông Nguyễn Đức V1 tại thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N giao cho UBND thị trấn N quản lý, nhưng không giao lại cho gia đình ông bà là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì: Diện tích 1.224,3m2 đất, thuộc thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N hiện ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H đang khiếu nại có nguồn gốc là đất của Công ty T1 được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Xét thấy ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H là người sử dụng thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N, nhưng sử dụng không ổn định, liên tục. Ngoài Biên bản bàn giao nhà ăn uống khu vực thác V, thị trấn N, nhưng đứng tên ông Vũ Hoa K (người mua lại tài sản của Công ty T1 từ năm 1989), ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H không có các giấy tờ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013 nên không đủ cơ sở để xác định quyền sử dụng đất hợp pháp thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N của ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H.

* Theo văn bản của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

1. Thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H, địa chỉ tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L khiếu nại UBND huyện L cưỡng chế, giải tỏa đối với diện tích đất ông Nguyễn Đức V1 lấn chiếm giao cho UBND thị trấn N quản lý, sử dụng thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N nhưng không giao lại cho gia đình ông bà. Căn cứ Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2013, thẩm quyền giải quyết khiếu nại của ông bà Q, H thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện L.

2. Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L V/v giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Q, cư trú tại tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (lần đầu):

- Ngày 20-02-2020, ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H có đơn khiếu nại đối với việc UBND huyện giao cho UBND thị trấn N quản lý, sử dụng thửa đất số 231, 232, tờ bản đố địa chính số E thị trấn N. Ngày 17-3-2020, UBND huyện ban hành Văn bản số 78/UBND-TD V/v xử lý đơn của ông Trần Văn Q, thị trấn N, nội dung: Giao thanh tra huyện kiểm tra, rà soát, tham mưu cho UBND huyện xử lý. Căn cứ đề xuất của Thanh tra huyện tại Báo cáo số 27/BC-TTr ngày 24-8-2020, UBND huyện đã ban hành Thông báo số 191/TB-UBND ngày 09-9-2020 về việc không thụ lý nội dung khiếu nại của ông Q, bà H.

- Không đồng ý với nội dung Thông báo số 191/TB-UBND ngày 09-9-2020, ông Q, bà H khiếu nại đến UBND tỉnh L. Ngày 26-01-2021, UBND tỉnh L ban hành Văn bản số 600/UBND-TD V/v giải quyết đơn của ông Q, bà H, với nội dung: Giao UBND huyện L thu hồi Thông báo số 191/TB- UBND ngày 09-9-2020; tiếp nhận và giải quyết khiếu nại lần đầu đối với nội dung khiếu nại của ông Q, bà H. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện ban hành Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 09-02-2021 Về việc thu hồi, hủy bỏ Thông báo số 191/TB-UBND ngày 09-9-2020.

- Ngày 17-02-2021, UBND huyện ban hành Thông báo số 50/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Q và Quyết định số 04/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, với nội dung: Giao Thanh tra huyện kiểm tra, xác minh, tham mưu cho UBND huyện giải quyết.

- Ngày 12-3-2021, Thanh tra huyện đã làm việc với ông Q, bà H để làm rõ nội dung khiếu nại của ông Q, bà H.

- Ngày 31-3-2021, UBND huyện tổ chức đối thoại với với ông Q, bà H để làm cơ sở cho việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông, bà.

- Ngày 06-4-2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 1445/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian xác minh khiếu nại, thời hạn giải quyết trước ngày 20-4-2021.

- Ngày 19-4-2021, Thanh tra huyện có Báo cáo số 12/BC-TTr về kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của ông Trần Văn Q. Ngày 20-4-2021, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1661/QĐ-UBND V/v giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Q, cư trú tại tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (lần đầu).

Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L V/v giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Q, cư trú tại tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (lần đầu) đã được thực hiện đúng theo Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11-11-2011 của Quốc hội; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 -10-2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình giải quyết

khiếu nại hành chính và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20-10-2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013.

3. Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L V/v giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Q, cư trú tại tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (lần đầu):

UBND huyện căn cứ vào hồ sơ địa chính, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Q, bà H tại các thửa đất số số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N và giấy tờ pháp lý do ông Q, bà H cung cấp. Từ đó đối chiếu với quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai để ban hành Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L.

4. Quan điểm của Chủ tịch UBND huyện L: Không đồng ý với nội dung ông Q, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện L, bởi vì:

- Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Diện tích 1.224,3m2 đất thuộc các thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56 thị trấn N mà ông Q, bà H khiếu nại, yêu cầu được công nhận QSDĐ có nguồn gốc là đất của Công ty T1 được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Mặc dù ông Q, bà H là người sử dụng các thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56 thị trấn N, nhưng việc sử dụng không ổn định, liên tục. Ngoài Biên bản bàn giao nhà ăn uống khu vực thác Voi Nam Ban, nhưng đứng tên ông Vũ Hoa K (người mua lại tài sản của Công ty T1 từ năm 1989), ông Q bà H không có các giấy tờ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ nên không đủ cơ sở pháp lý để khẳng định ông Q, bà H có quyền sử dụng đất hợp pháp tại các thửa đất 231, 232 tờ bản đồ 56 thị trấn N. Vì vậy, nội dung Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn của ông Q, bà H khiếu nại UBND huyện giao các thửa đất 231, 232 tờ bản đồ 56, thị trấn N cho UBND thị trấn N quản lý là phù hợp với quy định pháp luật.

* Theo văn bản của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn N trình bày:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và hồ sơ địa chính, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Q bà H tại các thửa đất số số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N, giấy tờ pháp lý do ông Q, bà H cung cấp. UBND thị trấn N nhận thấy nội dung ông Q bà H khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L là không có cơ sở, bởi vì: Việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 để giải quyết nội dung khiếu nại của ông Q bà H là đúng thẩm quyền. Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Diện tích 1.224,3m2 đất thuộc các thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56 thị trấn N mà ông Q, bà H khiếu nại, yêu cầu được công nhận QSDĐ có nguồn gốc là đất của Công ty T1 được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Mặc dù ông Q bà H là người sử dụng các thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56 thị trấn N, nhưng việc sử dụng không ổn định, liên tục. Ngoài biên bản bàn giao nhà ăn uống khu vực thác Voi Nam Ban, nhưng đứng tên ông Vũ Hoa K (người mua lại tài sản của Công ty T1 từ năm 1989), ông Q bà H không có các giấy tờ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ nên không đủ cơ sở pháp lý để khẳng định ông Q bà H có quyền sử dụng đất hợp pháp tại các thửa đất 231, 232 tờ bản đồ 56, thị trấn N.

Việc giải quyết tranh chấp đất đai và kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng: Năm 2012, ông Nguyễn Đức V1 và ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H xảy ra tranh chấp đất đai tại thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N. Ngày 20-8-2013, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà ban hành Thông báo số 21/2013/TB-TA trả lại đơn khởi kiện với lý do các tài sản đề nghị trả lại hiện nay không còn đầy đủ; ông V1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không cung cấp được các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5, Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Ngày 16-9-2013, ông Ngô Khắc L (người được ông Nguyễn Đức V1 ủy quyền) có đơn gửi UBND huyện L đề nghị buộc bà Vũ Thanh H trả lại các thửa đất thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N cho ông Nguyễn Đức V1.

Ngày 05-11-2013, UBND huyện L ban hành Quyết định số 2878/QĐ-UBND về việc giải quyết không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông Ngô Khắc L (theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức V1); đồng thời giao Phòng T2 phối hợp với UBND thị trấn N lập kế hoạch quản lý và rà soát lại đất của Công ty T1 trước đây để tham mưu UBND huyện L có hướng xử lý theo quy định. Tháng 6-2014, ông Nguyễn Đức V1 tiến hành xây dựng nhà trái phép trên thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N. UBND thị trấn N tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Đức V1 và đến này 22-9-2018, UBND huyện L ban hành Quyết định số 3269/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Đức V1 với hành vi lấn chiếm đất công tại thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N. Sau khi thực hiện việc cưỡng chế toàn bộ công trình và cây trồng do ông Nguyễn Đức V1 tạo lập trái phép trên thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N. Ngày 21-11-2018, Ban cưỡng chế huyện L đã lập biên bản bàn giao tài sản và diện tích đất thuộc thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N cho UBND thị trấn N quản lý.

Về quy hoạch sử dụng đất: Theo bản đồ quy hoạch chung thị trấn N, huyện L được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 28-12-2006 thì vị trí thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N được quy hoạch đất du lich. Theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện L được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 thì

vị trí thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N được quy hoạch là đất chuyên dùng (khu du lịch thác Voi).

Vì vậy, nội dung Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn của ông Q bà H khiếu nại UBND huyện giao các thửa đất 231, 232 tờ bản đồ 56, thị trấn N cho UBND thị trấn N quản lý là phù hợp với quy định pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức V1 trình bày:

Ông V1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2023/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, Điều 164, Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348, Điều 358 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19-6-2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22-11-2019;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11-11- 2011;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2014/QH13 ngày 29-11-2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai.

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19-10-2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H đề nghị Tòa án hủy:

+ Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Q (lần đầu);

+ Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 04-11-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của ông bà Trần Văn Q- Vũ Thanh H (lần 2).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/5/2023 người khởi kiện ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H ủy quyền cho bà Nguyễn Ngọc H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà H.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Nguyễn Bạch V trình bày: Nguồn gốc đất do ông Q, bà H nhận chuyển nhượng từ ông Đ1 có giấy tay và giấy bàn giao. Ông Q, bà H có khai hoang thêm và sử dụng trực tiếp, ổn định, lâu dài từ năm 1992 đến nay. Ông V1 có tranh chấp với ông Q, bà H nhưng không có cơ sở nên đã bị bác bỏ. Các hộ lân cận mua đất cùng nguồn gốc với ông Q, bà H đã được cấp GCNQSDĐ. Hộ ông Q, bà H đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ. Các tài liệu chứng cứ mới người khởi kiện đã nộp tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức V1 trình bày: Yêu cầu kháng cáo người khởi kiện không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính 2015 và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Về nội dung vụ án: Ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định sau:

+ Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Q (lần đầu);

+ Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 04-11-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của ông bà Trần Văn Q- Vũ Thanh H (lần 2).

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của các Quyết định bị kiện:

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Q (lần đầu); Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 04-11-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của ông bà Trần Văn Q, Vũ Thanh H (lần 2) là đúng thẩm quyền.

[2.2.2] Về nội dung:

Xét vị trí và hiện trạng phần đất ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H có đơn khiếu nại:

- Theo hồ sơ địa chính thể hiện vị trí đất thuộc thửa đất số 409 và một phần các thửa 408, 410, tờ bản đồ địa chính số A, thị trấn N được đo vẽ năm 1992, thể hiện đất chuyên dùng. Đến năm 2005, khi đo đạc lại bản đồ thì diện tích tranh chấp thuộc thửa 231, diện tích 450m2; thửa 232, diện tích 734,3m2, tờ bản đồ địa chính số 56, thị trấn N.

- Theo kết quả đo đạc do ông Q bà H chỉ ranh (BL 97) thì diện tích ông Q, bà H đề nghị đo đạc là 1.350m2 thuộc một phần thửa 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N, huyện L.

- Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28-11-2022 (BL 102) thể hiện đất để trống không ai sử dụng, trên đất có 01 cây ngọc lan, 01 xà cừ, 01 cây bàng Nhật, 01 cây sấu.

Xét nguồn gốc đất:

- Các bên đều trình bày thống nhất diện tích 1.224,3m2 thửa đất 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N, huyện L là của Công ty T1 được Nhà nước giao từ năm 1989 không thu tiền sử dụng đất.

- Người khởi kiện ông Q, bà H cung cấp chứng minh quyền sử dụng đất chỉ có bản phô tô Biên bản bàn giao nhà ăn uống số 1 lập ngày 02-11-1989 (bản phô tô, bản chính ông Q, bà H giữ). Nội dung Công ty T1 bán cho ông Vũ Hoa K căn nhà ăn uống số 1 tại khu vực T. Ngoài ra, ông Q bà H không cung cấp được các giấy tờ khác chứng minh quyền sử dụng đất cũng như quá trình sử dụng đất.

- Tại sổ mục kê, bản đồ địa chính đo đạc năm 1991 lưu trữ tại UBND thị trấn N thể hiện: thửa đất 408, tờ bản đồ số 11 tại mục người sử dụng đất thể hiện là đất Danh lam thắng cảnh (khu D). Năm 2005 đo đạc lại thì thuộc thửa đất 230, 231, tờ bản đồ số 56, thị trấn N. Người sử dụng đất thửa 230 là ông Phạm Thế G; thửa 231, thửa 232 do bà Vũ Thanh H kê khai.

- Tại Báo cáo số 55/BC-UBND ngày 14-9-2012 (BL 69) UBND thị trấn N đã kết luận:

"1/ "Cửa hàng thanh niên làm theo lời Bác" là tài sản của Công ty thương nghiệp huyện L bán nhà trên đất cho ông Vũ Hoa K là đúng. ông K đã bán cho các hộ khác hiện nay đang sử dụng ổn định.

2/"Cửa hàng ăn uống số 1" là tài sản của Công ty thương nghiệp huyện L bán nhà trên đất cho ông Nguyễn Đức V1 là đúng. Hiện nay nằm trên thửa đất số 231, 232; Ông/bà Trần Văn Q, Vũ Thị H5 đang sử dụng diện tích đất này nhưng không có giấy tờ hợp pháp, chưa được cấp giấy GCNQSD đất.

3/ Ông Q không có các giấy tờ chứng minh việc mua bán đất của ông Vũ Hoa K.

- Toàn bộ các diện tích nêu trên thuộc quy hoạch khu di tích T".

Xét quy hoạch sử dụng đất: Theo bản đồ quy hoạch chung thị trấn N, huyện L được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 28-12-2006 thì vị trí thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N được quy hoạch đất du lịch. Theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện L được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 thì vị trí thửa đất số 231, 232, tờ bản đồ số 56, thị trấn N được quy hoạch là đất chuyên dùng (khu D).

Căn cứ Điều 101 Luật đất đai quy định:

"Điều 101. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này, có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".

Tại khoản 1 điều 21 Nghị định 43 quy định:

"Điều 21. Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định

1. Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận)".

Như vậy, ông Q, bà H5 không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng đất không ổn định, không liên tục. Năm 2012, phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Đức V1. Hiện nay, ông Q, bà H5 cũng như ông V1 không ai sử dụng đất. Do vậy, ông Q, bà H5 không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai 2013, Nghị định 43/2014/NĐ-CP năm 2014 của Chính Phủ.

Do đó việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Q (lần đầu) là đúng quy định. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 04-11-2021 về việc giải quyết đơn của ông bà Trần Văn Q - Vũ Thanh H (lần 2) với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là đúng quy định của pháp luật.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H về việc hủy Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Q (lần đầu) và Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 04-11-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của ông bà Trần Văn Q - Vũ Thanh H (lần 2) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng mới ngoài những căn cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Do ông Trần Văn Q sinh năm 1959 là người cao tuổi nên căn cứ theo Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009 và theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Q thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2023/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q, bà Vũ Thanh H đề nghị Tòa án hủy:

+ Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 20-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Q (lần đầu);

+ Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 04-11-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của ông bà Trần Văn Q- Vũ Thanh H (lần 2).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn Q được miễn nộp. Buộc bà Vũ Thanh H phải chịu 300.000 đồng được khấu đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0014633 ngày 02/6/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Văn Mười

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (6);
- Lưu HS (2), VP(5) (18B). (LTTT).